

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

| <b>A. Các quy định chung</b> |  |
|------------------------------|--|
| <b>E-ĐKC 1.4</b>             | Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ: Số 80, đường Trần Phú, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long.  |
| <b>E-ĐKC 1.7</b>             | Công trình bao gồm:<br>Tên gói thầu: Thi công xây dựng công trình.<br>Tên dự án: Sửa chữa nền, mặt đường và hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km2+400 – Km3+697, QL.80, tỉnh Vĩnh Long.<br>Địa điểm thi công gói thầu: Đoạn Km2+400 – Km3+697, QL.80, tỉnh Vĩnh Long   |
| <b>E-ĐKC 1.10</b>            | Địa điểm Công trường tại đoạn Km2+400 – Km3+697, QL.80, tỉnh Vĩnh Long và được xác định trong Bản vẽ số <i>[Xem file đính kèm]</i> .   |
| <b>E-ĐKC 1.16</b>            | Ngày hoàn thành là: Dự kiến 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.  |
| <b>E-ĐKC 1.17</b>            | Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 60 ngày kể từ ngày thông báo thực hiện hợp đồng.<br><i>[Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình (“hoàn thành từng phần” hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].</i> |
| <b>E-ĐKC 1.18</b>            | Ngày khởi công là: ___ <i>[ghi ngày]</i> .   |
| <b>E-ĐKC 1.19</b>            | Nhà thầu là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .  |
| <b>E-ĐKC 1.29</b>            | - Tư vấn quản lý dự án: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]</i> ;<br>- Tư vấn giám sát là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]</i> ;<br>...  |
| <b>E-ĐKC 2.1</b>             | Hoàn thành từng phần: Không yêu cầu.   |
| <b>E-ĐKC 2.3(i)</b>          | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:<br>- Hồ sơ mời thầu, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);   |

|                     |   |
|---------------------|---|
|                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ dự thầu, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</li> <li>- Hồ sơ Báo cáo KT-KT hoặc Hồ sơ Dự án, Thiết kế BVTC-dự toán được duyệt;</li> <li>- Thuyết minh thiết kế hoặc Chi dẫn kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Biên bản thương thảo Hợp đồng;</li> <li>- Các văn bản pháp lý phê duyệt dự án, gói thầu;</li> <li>- Các phụ lục Hợp đồng;</li> <li>- Bảng tổng hợp giá dự thầu;</li> <li>- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng;</li> </ul> <p>Bảo lãnh tiền tạm ứng.</p>  |
| <b>E-ĐKC 5.2</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> </ul> |
| <b>E-ĐKC 5.4</b>    | <p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định và Chủ đầu tư nhận được bảo đảm bảo hành.</p>  |
| <b>E-ĐKC 8.2(d)</b> | <p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>   |
| <b>E-ĐKC 8.8(a)</b> | <p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>  |
| <b>E-ĐKC 8.11</b>   | <p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 05 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>   |

|                             |   |
|-----------------------------|---|
| <b>E-ĐKC 9.3</b>            | Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.   |
| <b>E-ĐKC 11.1</b>           | Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ <i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 11.2</b>           | Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.   |
| <b>E-ĐKC 11.4</b>           | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [ <i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 19.1</b>           | Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.                                    |
| <b>E-ĐKC 20.1(a)</b>        | Thời gian bảo hành công trình: Tối thiểu 24 tháng, kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng.   |
| <b>E-ĐKC 21</b>             | Thông tin về Công trường là:<br>Tên gói thầu: Thi công xây dựng công trình.<br>Tên dự án: Sửa chữa nền, mặt đường và hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km2+400 – Km3+697, QL.80, tỉnh Vĩnh Long.<br>Địa điểm thi công gói thầu: Đoạn Km2+400 – Km3+697, QL.80, tỉnh Vĩnh Long |
| <b>E-ĐKC 24</b>             | Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ [ <i>ghi địa điểm và ngày</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 27.2</b>           | Thời gian để tiến hành hòa giải: Theo quy định hiện hành.<br>Giải quyết tranh chấp: Theo quy định hiện hành.  |
| <b>B. Quản lý thời gian</b> |   |
| <b>E-ĐKC 28</b>             | - Ngày khởi công: _____ [ <i>ghi ngày dự định khởi công</i> ].<br>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [ <i>ghi ngày hoàn thành dự kiến</i> ].  |
| <b>E-ĐKC 29.1</b>           | Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.   |
| <b>E-ĐKC 29.4</b>           | - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày.   |

|                              |  |
|------------------------------|--|
|                              | - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: <b>58.000.000 VND</b> (tương đương 1% giá trị gói thầu).   |
| <b>E-ĐKC 30.7</b>            | <p>Các trường hợp khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận về các trường hợp được điều chỉnh tiến độ. Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của hợp đồng, các bên phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.</li> <li>Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;</li> <li>Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</li> <li>Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;</li> <li>Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;</li> <li>Do ảnh hưởng của mùa mưa kéo dài (thời tiết bất lợi) và vượt quá thời gian mưa trung bình năm gần nhất (phải có tài liệu chứng lượng mưa trung bình năm của khu vực công trình).</li> </ol> </li> <li>Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng không làm kéo dài tổng tiến độ thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian được kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng xây dựng) thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tổng tiến độ thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.</li> </ol> |
| <b>C. Quản lý chất lượng</b> |  |
| <b>E-ĐKC 33.2</b>            | <p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Vật tư, thiết bị đưa vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và tuân thủ những yêu cầu của gói thầu được nêu trong chỉ dẫn kỹ thuật/thuyết minh thiết kế; gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thép xây dựng và xi măng phải có Giấy chứng chỉ chất lượng hoặc lý lịch lô sản phẩm và giấy tờ tương ứng.</li> <li>- Đối với các vật liệu xây dựng (VLXD) khai thác từ các mỏ thiên nhiên (cát, đá, đất) phải kê khai tên mỏ, địa điểm khai thác sản xuất VLXD cung cấp cho gói thầu.</li> <li>- Các thiết bị lắp đặt vào công trình (mua sắm cho công trình này) nếu có phải xuất trình các loại giấy tờ: catalo, giấy tờ xuất, nhập khẩu, thuế nhập khẩu, hồ sơ lý lịch máy, hướng dẫn vận hành</li> </ul>  |

|                           |   |
|---------------------------|---|
|                           | <p>khai thác, bảo dưỡng và các chứng chỉ an toàn (nếu có quy định của pháp luật).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thiết bị thi công, xe máy chuyên dùng để thực hiện gói thầu mà pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 và số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ GTVT, các quy định khác của pháp luật thì nhà thầu phải đệ trình cho chủ đầu tư, tư vấn giám sát Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ít nhất 10 ngày trước khi thi công hạng mục có sử dụng thiết bị thi công, xe máy chuyên dùng đó.</li> </ul>   |
| <b>D. Quản lý chi phí</b> |   |
| <b>E-ĐKC 40</b>           | Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.   |
| <b>E-ĐKC 41.1</b>         | Giá hợp đồng: Cố định.  |
| <b>E-ĐKC 42.1</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạm ứng: Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu 30% giá trị hợp đồng được chia tối đa 02 lần và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhưng không vượt quá kế hoạch vốn được giao cho dự án hàng năm sau khi Bên giao thầu nhận được bảo lãnh tạm ứng của Bên nhận thầu. Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được Bên giao thầu thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng (không bao gồm chi phí dự phòng). Mức thu hồi tạm ứng tại các lần thanh toán phụ thuộc vào giá trị khối lượng thực hiện của lần thanh toán đó và được Bên giao thầu cùng Bên nhận thầu thống nhất trực tiếp tại “Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành” của hồ sơ thanh toán. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</li> <li>- Thời gian tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng.</li> </ul> |
| <b>E-ĐKC 44.1</b>         | <p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc thanh toán phải phù hợp các điều kiện trong hợp đồng;</li> <li>- Hình thức thanh toán: chuyển khoản</li> <li>- Nguồn vốn thanh toán và tiến độ thanh toán tuân theo kế hoạch bố trí vốn của dự án; trường hợp kế hoạch vốn của dự án chưa</li> </ul>   |

|                      |   |
|----------------------|---|
|                      | <p>được bố trí, thì trong mọi trường hợp chủ đầu tư sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng và nhà thầu đã đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của hợp đồng; và trong mọi trường hợp chủ đầu tư sẽ không phải trả chi phí tiền lãi nếu có đối với bất kỳ khoản thanh toán chậm của hợp đồng;</li> <li>- Hồ sơ thanh toán/Chứng chỉ thanh toán tạm thời:</li> </ul> <p>(1) Biên bản nghiệm thu khối lượng thi công hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư/Ban QLDA, Tư vấn giám sát, đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng thi công phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, phụ lục bảng giá hợp đồng, khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu, hồ sơ chất lượng được tư vấn kiểm tra xác nhận và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>(2) Đề nghị thanh toán cần thể hiện các nội dung: giá trị thanh toán cuối kỳ trước, giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng tại kỳ thanh toán, giá trị tiền tạm ứng thu hồi, giá trị tiền tạm ứng chưa thu hồi, tiền giữ lại, giảm trừ phạt trừ (nếu có)... giá trị nhà thầu thực nhận đảm bảo phù hợp với điều kiện hợp đồng và được xác nhận của nhà thầu, tư vấn giám sát, Chủ đầu tư/Ban QLDA.</p> <p>(3) Chủ đầu tư/Ban QLDA có quyền xem xét tạm dừng thanh toán trong trường hợp phát hiện nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định, điều kiện hợp đồng; việc nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, trì hoãn kéo dài việc khắc phục các sai sót, các vi phạm làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, an toàn, đem đến các rủi ro cho chủ đầu tư, ảnh hưởng đến uy tín chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp xử lý vi phạm theo quy định của hợp đồng.</p> |
| <b>E-ĐKC 45</b>      | <p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>  |
| <b>E-ĐKC 46.1</b>    | Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.   |
| <b>E-ĐKC 47.1(d)</b> | Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo thỏa thuận hợp đồng và quy định của pháp luật.  |

|                   |  |
|-------------------|--|
| <b>E-ĐKC 47.7</b> | Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.   |
| <b>E-ĐKC 49.1</b> | <p>Mức phạt: Nhà thầu vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên giao thầu gây ra, Nhà thầu bị phạt 0,2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày vi phạm. Tổng giá trị phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu có vi phạm tiến độ tùy theo mức độ sẽ bị xử lý như sau:</p> <p>a) Vi phạm lần đầu:</p> <p>Khi nhà thầu chậm tiến độ so với Biểu tiến độ thi công chi tiết, trong vòng 03 ngày kể từ khi xác định thấy việc vi phạm tiến độ sẽ ảnh hưởng đến các mốc hoàn thành các hạng mục chính, Bên giao thầu đưa ra thông báo phê bình nhà thầu, đồng thời yêu cầu nhà thầu có cam kết khắc phục, đẩy nhanh tiến độ.</p> <p>Chưa áp dụng phạt vi phạm tiến độ của hợp đồng.</p> <p>b) Vi phạm lần thứ 2:</p> <p>Trong vòng 03 ngày kể từ khi xác định việc vi phạm tiến độ lần thứ 2, Bên giao thầu đi kiểm tra việc đẩy nhanh tiến độ theo cam kết của nhà thầu, nếu nhà thầu vẫn tiếp tục vi phạm tiến độ, Bên giao thầu sẽ phát hành văn bản khiển trách nhà thầu, yêu cầu nhà thầu nghiêm túc thực hiện việc đẩy nhanh tiến độ thi công, bằng các biện pháp tăng cường mũi thi công, tăng cường nhân sự, thiết bị, tài chính... và cảnh báo sẽ điều chuyển một phần khối lượng hợp đồng cho nhà thầu phụ thi công hoặc chấm dứt hợp đồng nếu tiến độ thi công tiếp tục chậm trễ. Việc kiểm tra sẽ thực hiện trong vòng 05 ngày tùy theo thời gian thi công của hợp đồng và yêu cầu nhà thầu ký văn bản cam kết với các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cam kết nếu không thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Bên giao thầu sẽ bị cắt chuyển một phần hợp đồng để giao cho nhà thầu phụ bổ sung mới do Chủ đầu tư lựa chọn.</li> <li>- Trong trường hợp phải điều chuyển khối lượng, Chủ đầu tư hoặc Bên giao thầu có quyền chỉ định Nhà thầu phụ để thi công phần khối lượng điều chuyển hoặc tách thành gói thầu mới để lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành. Trường hợp điều chuyển khối lượng cho Nhà thầu phụ thì Bên giao thầu, Bên nhận thầu (Nhà thầu chính) và Nhà thầu phụ ký một phụ lục hợp đồng xây dựng để thực hiện phần khối lượng điều chuyển này.</li> </ul> |

|  |  |
|--|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Nhà thầu chính không hợp tác thì Bên giao thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư để yêu cầu Nhà thầu chính phải uỷ quyền cho Nhà thầu phụ được phép sử dụng pháp nhân của mình và Nhà thầu phụ chịu trách nhiệm toàn diện để: trực tiếp tổ chức thi công, ký xác nhận khối lượng thi công với TVGS, Bên giao thầu; lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán, hoàn công và các tài liệu kỹ thuật để thực hiện phần công việc được điều chuyển cho nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ được Bên giao thầu cho tạm ứng hợp đồng (nếu có), thanh toán khối lượng hoàn thành trực tiếp cho toàn bộ khối lượng điều chuyển về tài khoản của Nhà thầu phụ được ghi trong phụ lục hợp đồng.</li> <li>- Văn bản cam kết này là tài liệu kèm theo phụ lục bổ sung của Hợp đồng giao nhận thầu đã ký kết. Chưa áp dụng phạt vi phạm tiến độ của hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Vi phạm lần thứ 3 trở đi.</p> <p>Trong vòng 03 ngày kể từ khi xác định nhà thầu vi phạm lần thứ 3 trở đi, Bên nhận thầu bị xử lý điều chuyển khối lượng hợp đồng như đã nêu trên, phạm vi và giá trị điều chuyển hoàn toàn do Bên giao thầu quyết định và Bên nhận thầu buộc phải chấp thuận.</p> <p>Bên giao thầu áp dụng phạt vi phạm tiến độ hợp đồng đối với các giá trị khối lượng bị vi phạm. Thời gian tính phạt hợp đồng được áp dụng sau 05 ngày kể từ khi xác định Bên nhận thầu vi phạm lần thứ 3 cho đến khi xác định Bên nhận thầu khắc phục được việc vi phạm tiến độ và được hai bên thống nhất bằng văn bản. Kinh phí phạt được trừ vào hồ sơ thanh toán của Bên nhận thầu.</p> <p>Sau khi loại trừ các nguyên nhân, nếu Nhà thầu thi công chậm tiến độ dự án 30 ngày (so với tiến độ đã được phê duyệt hoặc tiến độ điều chỉnh bởi các nguyên nhân không do lỗi của Bên B) hoặc vi phạm cam kết về tiến độ quá 03 lần thì Nhà thầu sẽ bị thay thế.</p> <p>Trong các lần vi phạm, trường hợp Bên giao thầu ban hành văn bản khiển trách, phê bình, cảnh cáo nhà thầu, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản thông báo xử lý vi phạm mà nhà thầu không có văn bản phản hồi đến Bên giao thầu/chủ đầu tư thì được hiểu là Nhà thầu đã chấp thuận và bị xử lý theo quy định.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng trường hợp nhà thầu thi công không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo ATLĐ, không thực hiện đầy đủ biện pháp ĐBGTT, VSMT theo quy định bị trừ 10% chi phí công tác ĐBGTT (nếu có) cho mỗi lần vi phạm mà Chủ đầu tư/cơ quan có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở. Trong các lần vi phạm, trường hợp Bên giao thầu ban hành văn bản nhắc nhở, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản nhắc nhở mà nhà thầu không</p> |
|--|--|

|                   |  |
|-------------------|--|
|                   | có văn bản phản hồi đến Bên giao thầu/chủ đầu tư thì được hiểu là Nhà thầu đã chấp thuận và bị xử lý theo quy định.  |
| <b>E-ĐKC 49.2</b> | Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.<br>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.   |
| <b>E-ĐKC 49.3</b> | Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.  |
|                   | <b>E. Kết thúc hợp đồng</b>  |
| <b>E-ĐKC 54</b>   | <p>Thời gian bàn giao công trình: 30 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành. Sau khi hoàn thành công trình, Nhà thầu phải thực hiện hoàn thiện hồ sơ hoàn công, làm các thủ tục nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo mốc thời gian nêu trên. Trường hợp ngoài thời gian quy định nêu trên, Nhà thầu phải thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên theo các quy định của pháp luật bằng kinh phí của nhà thầu.</p> <p>Yêu cầu về bảo hành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</li> <li>- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng.</li> <li>- Tiền bảo hành công trình là 5% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng được lấy từ tiền giữ lại (5%) sau mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu thực hiện bảo hành công trình bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thì Chủ đầu tư sẽ hoàn trả tiền giữ lại sau mỗi lần thanh toán (5%) cho Nhà thầu khi Nhà thầu đã nộp bảo lãnh bảo hành;</li> <li>- Nhà thầu phải nộp bảo lãnh bảo hành của một ngân hàng được Chủ đầu tư/Ban QLDA chấp thuận cho công trình để thực hiện nghĩa vụ bảo hành. Thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh phải kéo dài hơn thời gian bảo hành công trình là 01 tháng. Khi hết thời gian bảo hành công trình, nhà thầu phải tiến hành nghiệm thu hết bảo hành công trình theo quy định (phải có biên bản nghiệm thu hết bảo hành);</li> <li>- Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Bên mời thầu có quyền đơn phương</li> </ul> |

|                   |  |
|-------------------|--|
|                   | <p>thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên. Ngoài ra, nhà thầu bị đánh giá là không hoàn thành Hợp đồng, báo cáo. Bộ GTVT, Cục ĐBVN cấm không tham gia đấu thầu các dự án do Bộ GTVT, Cục ĐBVN quản lý;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định về thời gian bảo hành đối với hạng mục công việc đã sửa chữa trong thời gian bảo hành: Đối với hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, trong quá trình thi công sửa chữa có khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố, hư hỏng đã được nhà thầu sửa chữa, khắc phục thì thời gian bảo hành đối với khối lượng, số lượng phải sửa chữa khắc phục lại được xác định như sau: i/Thời gian bảo hành bổ sung đối với các khối lượng sửa chữa không ít hơn 12 tháng nhưng không được kết thúc trước thời gian bảo hành của hợp đồng; ii/Hạng mục công việc có <math>\geq 15\%</math> khối lượng phải sửa chữa trong thời hạn bảo hành, hoặc hạng mục có vi phạm chất lượng nghiêm trọng thì thời hạn bảo hành đối với khối lượng làm lại được tính từ khi hoàn thành việc sửa chữa lại (được Chủ đầu tư/Ban QLDA, Tư vấn giám sát xác nhận);</li> <li>- Trách nhiệm của nhà thầu: Nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng đối với phần việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành. Trường hợp có tranh chấp giữa nhà thầu với cơ quan quản lý, chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng để xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu. Nếu lỗi do nhà thầu thì nhà thầu phải chịu cả chi phí giám định, kiểm định, đánh giá;</li> <li>- Xử lý khi nhà thầu vi phạm chất lượng: Nhà thầu thi công hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị có vi phạm chất lượng, ngoài việc phải sửa chữa trong thời gian bảo hành, còn bị xem xét về uy tín của nhà thầu khi đánh giá lựa chọn nhà thầu trong các dự án khác của Cục ĐBVN;</li> </ul> <p>Nghiệm thu hết bảo hành: Sau khi hết thời hạn bảo hành, nhà thầu phải tiến hành nghiệm thu hết bảo hành với Chủ đầu tư.</p> |
| <b>E-ĐKC 55.1</b> | <p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước khi nghiệm thu bàn giao công trình. Ngoài việc Nhà thầu nộp hồ sơ, tài liệu bản giấy, Nhà thầu còn phải nộp bản scan (định dạng file PDF) để Chủ đầu tư/Ban QLDA lưu trữ.</p>   |

|                      |   |
|----------------------|---|
| <b>E-ĐKC 55.2</b>    | Số tiền giữ lại: <b>292.000.000 VND.</b>  |
| <b>E-ĐKC 56.1(a)</b> | Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 60 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng. |